PHỤ LỤC
DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày tháng năm 2025 của Sở Tư pháp)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng sở	Trung tâm TGPL NN Quy Nhơn	Trung tâm TGPL NN Pleiku
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**					
1	**Số thu phí, lệ phí**					
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**					
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**					
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-1.061.204.001**	**-1.061.204.001**	**-885.486.644**	**-41.669.377**	**-134.047.980**
1	**Chi quản lý hành chính - Khoản 341**	**-885.486.644**	**-885.486.644**	**-885.486.644**		
1.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	**-575.055.644**	***-575.055.644***	***-575.055.644***		
	Căn cứ Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025	**0**	**0**			
	- KP thu hồi 178 theo tiền lương và chi thường xuyên và thu hồi 2% KPCĐ (341-13)	-575.055.644	-575.055.644	-575.055.644		
1.2	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	**-310.431.000**	***-310.431.000***	***-310.431.000***		
	Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh năm 2025	**0**	**0**			
	- Điều chỉnh giảm quỹ tiền thưởng (341-18)	-310.431.000	-310.431.000	-310.431.000		
2	**Chi sự nghiệp kinh tế - Khoản 338**	**-175.717.357**	**-175.717.357**		**-41.669.377**	**-134.047.980**
2.1	***Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ***	**-175.717.357**	***-175.717.357***		***-41.669.377***	***-134.047.980***

	Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt, bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh năm 2025	0	0			
	- Thu hồi KP CCTL năm 2024 chưa sử dụng hết còn theo dõi tại Nguồn KP tự chủ của đơn vị và thu hồi 2% KPCĐ (338-13)	-41.669.377	-41.669.377		-41.669.377	
	- Thu hồi lương và chi TX do giảm 02 biên chế 6 tháng năm 2025 theo QĐ 605/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 và 2% KPCĐ (338-13)	-134.047.980	-134.047.980			-134.047.980
2.2	***Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ***	**0**	***0***	***0***	***0***	***0***
3	**Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo**	**0**	**0**		**0**	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**0**	0			
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**0**	**0**			
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	**1072769**	**1072769**	**1080812**	**1072770**	**1092187**
	Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch	**KBNN Khu vực XV**	**KBNN Khu vực XV**	**KBNN Khu vực XV**	**KBNN Khu vực XV**	**Phòng Giao dịch số 5 - KBNN Khu vực XV**